

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày 31/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Ngô Thị T
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn C và bà Lò Thị T
- *Thư ký phiên toà:* Ông **Lâu Văn C**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên toà:*

Ông: Hà Văn C - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HS ngày 17/10/2018 đối với bị cáo:

Phàng Thị C : Sinh năm 1931 tại xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Con ông: Phàng A T (đã chết). Con bà: Thào Thị L - Sinh năm: 1915. Bố mẹ bị cáo sinh được 04 người con, bị cáo là con thứ hai trong gia đình, sinh ra do không được đi học nên không biết chữ, lớn lên lập gia đình, sinh sống bằng nghề trồng trọt, có sử dụng trái phép chất ma túy.

Chồng: Giàng A D (đã chết). Con: Giàng A (đã chết). Con: Giàng Thị D, sinh năm 1968, Nơi cư trú: Xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Con: Giàng A C, sinh năm 1984 (Đang chấp hành án phạt tù). Con: Giàng A S, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018, ngày 25/6/2018 thay đổi bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt

Người phiên dịch: Ông: Lâu Văn P , sinh năm 1987. Dân tộc: Mông

Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5 năm 2018, bị cáo đi qua biên giới để làm ăn và sinh sống tại nước CHDCND Lào. Tại đây bị cáo làm thuê để kiếm sống và đôi công làm lấy nhựa thuốc phiện, số nhựa thuốc phiện được trả công bị cáo lấy một ít để sử dụng, phần còn lại cất giữ để mang về sử dụng dần.

Vào khoảng 6 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 6 năm 2018, bị cáo về thăm gia đình tại Việt Nam, bị cáo lấy số nhựa thuốc phiện cất giữ được, gói bọc bằng túi nilon màu hồng cất giấu vào ví vải đeo phía trước bụng rồi một mình đi bộ từ nước CHDCND Lào theo đường mòn về Việt Nam. Khi về đến khu vực bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thì bị tổ công tác Đoàn BP Tam Chung - BĐBP Thanh Hóa kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ số nhựa thuốc phiện mà bị cáo mang từ Lào về

Tại bản Kết luận giám định số: 1254/MT-PC54 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

Chất dẻo màu nâu của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 5,417g (năm phẩy bốn một bảy gam) loại: Nhựa thuốc phiện.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-ML ngày 02/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 điều 249 năm 2015.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề nghị HĐXX:

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ Về điều luật: Áp dụng: Điểm o, điểm s khoản 1 điều 51; Điểm b khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo: Từ **12 (Mười hai)** đến **14 (Mười bốn)** tháng tù giam.

+ Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc hộ nghèo, rất khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy là mẫu vật còn lại sau giám định.

+ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 điều 136 BLTTHS; **Điểm d khoản 1 điều 12** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. **Miễn án phí** hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ, bị cáo là người già (Trên 70 tuổi), đề nghị HĐXX **cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS**, xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng tình với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định chất ma túy là loại nhựa thuốc phiện, ý kiến của người bào chữa và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ **5, 417g nhựa thuốc phiện** đã phạm vào điểm b khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ.

[3] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho bản thân của bị cáo, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý về ma túy của Nhà Nước. Ma túy hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh những loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố thực hiện.

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là người già, gia đình thuộc hộ nghèo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, điểm o khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Bị cáo là người sử dụng ma túy, với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Xử bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo;

- Hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy, thuộc hộ nghèo, không có tính thực thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy là mẫu vật còn lại sau trích mẫu giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] *Đánh giá về những vấn đề khác:*

Theo lời khai của bị cáo, người đàn ông dân tộc Mông đã cho bị cáo đổi công làm thuê lấy thuốc phiện, là công dân nước CHDCND Lào, bị cáo không rõ tên,

tuổi. Việc trao đổi diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam nên Cơ quan điều tra không đủ thẩm quyền xác minh, làm rõ.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị:* Bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn **nộp tiền** án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật: Căn cứ điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm s, điểm o khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Phàn Thị C phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

Về Hình phạt: Xử phạt bị cáo:

+ Hình phạt chính: **01 (Một)** năm tù; được trừ đi ba ngày đã bị tạm giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ **khoản 2 điều 106** Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: Phong bì đựng toàn bộ số ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Phàn Thị C, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Lê Văn Tuyển cùng các hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn đang lưu giữ tại kho tàng vật của Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/10/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: **Miễn** tiền án phí HSST cho bị cáo.

Về kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã **Tam Chung, H. Mường Lát;**
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T

